TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 105/2022/QĐST-HNGĐ	*Đại Từ, ngày 27 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 135/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973

Nơi ĐKHKTT: Xóm 2, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976

Nơi ĐKNKTT: Xóm 2, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh T và chị T1 cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh T và chị T1 có 03 con chung:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 02/5/1998 (đã trưởng thành)
2. Nguyễn Thị L, sinh ngày 26/8/1999 (đã trưởng thành)
3. Nguyễn Thế L1, sinh ngày 27/02/2013.

Khi ly hôn anh T và chị T1 đã tự thỏa thuận anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Thế L1, sinh ngày 27/02/2013 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp anh T và chị T1 có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Chị T1 được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh T và chị T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị T1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh T tự nguyện chịu 150.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Được trừ 150.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004015 ngày 11/10/2022 tại Chi cục THADS huyện Đại Từ. Hoàn trả anh T 150.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004015 ngày 11/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã;
- L- u hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kao Hoàng